

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03- DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm 2008                | Năm 2007                |
|--|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |           |                |                         |                         |
| 1- Lợi nhuận trước thuế:   | 01        |                | 22.097.920.064          | 17.501.125.935          |
| 2- Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                | 3.040.431.360           | 12.181.189.363          |
| - Khấu hao tài sản cố định   | 02        |                | 9.808.358.892           | 8.392.667.012           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                | 2.931.100.000           |                         |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện  | 04        |                | (1.102.876.866)         | 69.934.575              |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |                | (11.318.492.002)        | (149.607.891)           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |                | 2.722.341.336           | 3.868.195.667           |
| <b>3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>              | <b>08</b> |                | <b>25.138.351.424</b>   | <b>29.682.315.298</b>   |
| - Tăng giảm các khoản phải thu   | 09        |                | 19.880.345.741          | (16.446.202.733)        |
| - Tăng giảm hàng tồn kho   | 10        |                | (16.588.547.128)        | (1.511.878.125)         |
| - Tăng giảm các khoản phải trả   | 11        |                | (6.051.875.032)         | 15.449.733.851          |
| - Tăng giảm chi phí trả trước  | 12        |                | (1.974.083.777)         | 85.075.075              |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 13        |                | (2.722.341.336)         | (3.868.195.667)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14        |                | (2.085.903.568)         | (961.574.793)           |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 15        |                | 6.630.643.921           | 1.175.380.220           |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                | (15.387.086.431)        | (24.039.811.123)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                | <b>6.839.503.814</b>    | <b>(435.157.997)</b>    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |           |                |                         |                         |
| 1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ  | 21        |                | (34.254.829.290)        | (6.344.636.576)         |
| 2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ   | 22        |                | 16.819.942.636          | 225.690.909             |
| 5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác   | 25        |                | (11.227.400.000)        | (5.671.550.000)         |
| 6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác   | 26        |                | 2.107.280.000           |                         |
| 7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |                | 273.545.000             | 100.720.000             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                | <b>(26.281.461.654)</b> | <b>(11.689.775.667)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |           |                |                         |                         |
| 1- Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                | 31        |                | -                       | 63.442.090.000          |
| 2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |                | (87.250.000)            | (1.500.000)             |
| 3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        |                | 169.964.028.111         | 145.158.725.609         |
| 4- Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        |                | (164.178.059.323)       | (157.531.269.236)       |
| 6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |                | (9.335.475.000)         | (6.031.579.000)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |                | <b>(3.636.756.212)</b>  | <b>45.036.467.373</b>   |

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03- DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

|   |    |                       |                       |
|---|----|-----------------------|-----------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                          | 50 | (23.078.714.052)      | 32.911.533.709        |
| Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ                     | 60 | 39.647.720.150        | 6.825.564.352         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 1.913.409.823         | (89.377.911)          |
| Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ                    | 70 | <u>18.482.415.921</u> | <u>39.647.720.150</u> |

Kế toán trưởng



NGUYỄN MINH HẰNG

Ngày 25 tháng 03 năm 2009

Tổng Giám Đốc



*Nguyễn Ân*